

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

Số: /TB – CDYT

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí các lớp Cao đẳng chính quy, Trung cấp chính quy, Liên thông Cao đẳng, Trung cấp văn bằng 2, các ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện, lệ phí xét tuyển và thu bán vé trông giữ xe
Năm học 2026 – 2027

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 6 năm 2023, Ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ công văn số 13373/BTC-QLG về việc triển khai Luật phí và lệ phí đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá thị trường mà Nhà nước không định giá: phần phí dự thi, dự tuyển (Lệ phí tuyển sinh);

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ tài chính cho trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-CDYT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc quy định kiểm soát thu học phí của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-CDYT ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc Ban hành quy định mức thu học phí đối với các lớp Cao đẳng chính quy, Trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, Trung cấp văn bằng 2 năm học 2026-2027.

1. Mức thu học phí năm học 2026-2027 như sau:

ĐVT: Đồng

ST T	Nội dung	Mức thu học kỳ 1	Mức thu học kỳ 2	VB2 đợt 1	VB2 đợt 2	Mức thu/Khóa
A	HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY (TRONG NGÂN SÁCH)					
1	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2026-2029 (NĂM 1)					
1.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
1.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			
2	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2025-2028 (NĂM 2)					
2.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
2.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			
3	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2024-2027 (NĂM 3)					
3.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
3.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			

4	TRUNG CẤP CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2026-2028 (NĂM 1)					
4.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	2.550.000	2.550.000			
4.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	8.500.000	8.500.000			
5	TRUNG CẤP CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2025-2027 (NĂM 2)					
5.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					

	Ngành Y sỹ	2.550.000	2.550.000			
5.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	8.500.000	8.500.000			

B	HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHÍNH QUY (NGOÀI NGÂN SÁCH)					
----------	--	--	--	--	--	--

1	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2026-2029 (NĂM 1)					
1.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
1.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			
2	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2025-2028 (NĂM 2)					
2.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
2.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			
3	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2024-2027 (NĂM 3)					

3.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐT BXH					
	Ngành Điều dưỡng	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Dược	2.850.000	2.850.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	2.850.000	2.850.000			
	Ngành Hộ sinh	2.850.000	2.850.000			
3.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Phục hình răng	9.500.000	9.500.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.500.000	9.500.000			
4	TRUNG CẤP CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2026-2027 (NĂM 1)					
4.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐT BXH					
	Ngành Y sỹ	2.550.000	2.550.000			
4.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	8.500.000	8.500.000			
5	TRUNG CẤP CHÍNH QUY KHÓA HỌC 2025-2027 (NĂM 2)					
5.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐT BXH					
	Ngành Y sỹ	2.550.000	2.550.000			
5.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	8.500.000	8.500.000			
C	HỆ LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (VỪA LÀM VỪA HỌC)					

	Ngành Dược	9.500.000	9.500.000			
	Ngành Điều dưỡng	9.000.000	9.000.000			
	Ngành Hộ sinh	8.000.000	8.000.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	9.000.000	9.000.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	9.000.000	9.000.000			

D	HỆ ĐÀO TẠO DỊCH VỤ					
1	VĂN BẰNG 2					
1.1	Văn bằng 2 (Khóa học 12 tháng = 18.400.000đ)			9.200.000	9.200.000	
1.2	Văn bằng 2 (Khóa học 15 tháng = 22.000.000đ)			11.000.000	11.000.000	

E	MỨC THU HỌC PHÍ HỌC LẠI VÀ HỌC CẢI THIỆN: (MỨC THU ÁP DỤNG CHO HSSV TẠI THỜI ĐIỂM HỌC LẠI)					
	CẤP BẠC ĐÀO TẠO	MỨC THU (ĐỒNG/HỌC SINH/01TÍN CHỈ)				
		CAO ĐẲNG			TRUNG CẤP	
		Tổng số tín chỉ/khóa	Số tiền/tín chỉ		Tổng số tín chỉ/khóa	Số tiền/tín chỉ
I	CAO ĐẲNG CHÍNH QUY (TRONG VÀ NGOÀI NS)					
1	Ngành Y sỹ	100	570.000			
2	Ngành Dược cơ sở Hòn Nghê	102	558.000			
	Ngành Dược cơ sở Ninh Chữ	101	564.000			

3	Ngành Điều Dưỡng cơ sở Hòn Nghê	109	522.000		
	Ngành Điều Dưỡng cơ sở Ninh Chữ	101	564.000		
4	Ngành Hộ sinh	104	548.000		
5	Ngành KT. Xét nghiệm y học	112	508.000		
6	Ngành KT. Hình ảnh y học	105	542.000		
7	Ngành Phục hình răng	106	537.000		
8	Ngành PHCN	108	527.000		
II	TRUNG CẤP CHÍNH QUY (TRONG VÀ NGOÀI)				
1	Ngành Y sĩ			91	373.000
2	Ngành YHCT			92	369.000
III	LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG (HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC)				
1	Ngành Dược	48	791.000		
2	Ngành Điều Dưỡng	43	837.000		
3	Ngành Hộ sinh	42	761.000		
4	Ngành KT. Xét nghiệm Y học	46	782.000		
5	Ngành KT. Hình ảnh Y học	45	800.000		
IV	TRUNG CẤP VĂN BẰNG 2				
1	TRONG NGÀNH SỨC KHỎE, ĐÀO TẠO 12 THÁNG				
1.1	Ngành Dược			36	511.000
1.2	Ngành Y sĩ			40	460.000
1.3	Ngành YHCT			45	408.000
2	NGOÀI NGÀNH SỨC KHỎE, ĐÀO TẠO 15 THÁNG				
2.1	Ngành Dược			45	488.000
2.2	Ngành Y sĩ			50	440.000
2.3	Ngành YHCT			53	415.000

2. Thời gian thu học phí:

2.1. Đối với các lớp hình thức đào tạo chính quy:

2.1.1. Đối với các khóa nhập học mới trình độ , thời gian nộp học phí:

+ Học kỳ I: Nộp học phí học kỳ I khi thí sinh đến làm thủ tục nhập học.

+ Học kỳ II: Sau hai tuần khi có danh sách lớp sau khi đăng ký khối lượng học tập học kỳ II đối với trình độ Cao đẳng, và sau hai tuần học (theo thời khóa biểu) đối với trình độ trung cấp.

2.1.2. Đối với HSSV năm thứ 2 và 3: Học sinh, sinh viên đóng học phí vào đầu mỗi học kỳ của năm học cụ thể như sau:

+ Học kỳ I: Sau hai tuần khi có danh sách lớp đăng ký khối lượng học tập học kỳ I đối với trình độ Cao đẳng, và sau hai tuần học (theo thời khóa biểu) đối với trình độ trung cấp.

+ Học kỳ II: Sau hai tuần khi có danh sách lớp đăng ký khối lượng học tập học kỳ II đối với trình độ Cao đẳng, và sau hai tuần học (theo thời khóa biểu) đối với trình độ trung cấp.

2.2. Đối với các lớp Liên thông Cao đẳng (vừa làm vừa học):

2.2.1. Đối với các khóa nhập học mới, thời gian nộp học phí:

Do tiến độ nhập học có đặc thù nên thời gian thu nộp học phí sẽ được thông báo qui định cụ thể:

+ Học kỳ I: Nộp học phí học kỳ I khi thí sinh đến làm thủ tục nhập học.

+ Học kỳ II: Sau hai tuần khi có danh sách lớp đăng ký khối lượng học tập học kỳ II đối với trình độ Cao đẳng.

Đối với SV năm thứ 2: sinh viên đóng học phí vào đầu mỗi học kỳ của năm học cụ thể như sau:

+ Học kỳ I: Sau hai tuần khi có danh sách lớp đăng ký khối lượng học tập học kỳ I đối với trình độ Cao đẳng.

+ Học kỳ II: Sau hai tuần khi có danh sách lớp đăng ký khối lượng học tập học kỳ II đối với trình độ Cao đẳng.

3.3. Đối với các lớp trung cấp văn bằng 2 (hệ dịch vụ):

+ Đợt 1: Nộp học phí đợt 1 khi thí sinh đến làm thủ tục nhập học.

+ Đợt 2: Sau khi thi kết thúc môn học đợt 1 hai tuần.

3.4. Đối với các ngành nghề đào tạo liên tục hệ dịch vụ:

Thời gian nộp học phí ngay sau khi có thông báo nhập học của Nhà trường.

4. Phương thức thu học phí:

*** Trường hợp nộp học phí bằng hình thức online quét mã QR**

- Phòng Đào tạo sẽ cấp cho mỗi HSSV một tài khoản và mật khẩu, HSSV sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cập nhật địa chỉ email của cá nhân vào cổng thông tin HSSV theo đường dẫn tại Website: <http://daotao.cyk.edu.vn/>

Đính kèm: Hướng dẫn sinh viên Nộp học phí bằng hình thức online quét mã QR

*** Lưu ý:**

- Học sinh, sinh viên chụp lại màn hình giao dịch chuyển tiền hoặc giữ biên lai của ngân hàng để đối chiếu với nhà trường trong trường hợp có yêu cầu. Hóa đơn điện tử sẽ được gửi về địa chỉ email HSSV đã cập nhật ở trên ngay sau khi giao dịch chuyển tiền thành công.

- Mọi thắc mắc liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính (kế toán viên), Trường Cao đẳng tế Khánh Hòa số điện thoại 0258.3522270 để được hỗ trợ.

- Học sinh, sinh viên không sử dụng hình thức chuyển tiền qua thẻ ATM vì không thể được nội dung thông tin sinh viên, mọi khiếu nại về chuyển tiền qua thẻ ATM sẽ không được giải quyết.

*** Nộp học phí bằng tiền mặt**

- Học sinh, sinh viên nộp học phí **bằng tiền mặt trực tiếp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Khánh Hòa (Agribank)**, cung cấp tài khoản và mật khẩu đã được cấp cho cán bộ giao dịch tại quầy.

- Trường hợp quên mật khẩu, HSSV liên hệ Phòng Đào tạo để được cấp lại, số điện thoại 02583.521576.

5. Tổ chức thực hiện:

Đề nghị học sinh sinh viên nghiêm túc thực hiện theo thông báo về mức thu học phí các lớp Cao đẳng chính quy và Trung cấp chính quy, các lớp Liên thông cao đẳng (Hình thức vừa làm vừa học), hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2, ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện năm học 2026 - 2027 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa. Học sinh sinh viên chưa nộp học phí thì không được tham gia các kỳ thi. Mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của học sinh, sinh viên không được giải quyết sau thời gian trên. Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Nhà giáo chủ nhiệm, các Giảng viên phổ biến thông báo này đến toàn thể học sinh, sinh viên biết để thực hiện./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Phòng Đào tạo;
- Phòng TCHC (Đăng trên website trường);
- Nhà giáo chủ nhiệm;
- Ban cán sự các lớp, HSSV (Hình thức Niêm yết công khai và Đăng website trường);
- Lưu VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thành